HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2023/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 284/BC-BPC ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 như sau:

"6. Hỗ trợ đãi ngộ được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng, không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Thời gian không tính hưởng đãi ngộ gồm: Thời gian nghỉ chế độ thai sản; nghỉ việc riêng không hưởng lương; thời gian đi học liên tục, nghỉ ốm, bị tạm đình chỉ công tác từ 01 tháng trở lên. Trường hợp người được đãi ngộ đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ có liên quan đến quy định đãi ngộ trong Nghị quyết này thì chỉ được hưởng 01 mức đãi ngộ cao nhất."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 2 như sau:

"d) Người có bằng đại học sư phạm trở lên chuyên ngành Tiếng Anh, tin học; người có bằng đại học trở lên chuyên ngành Tiếng Anh, tin học, công nghệ thông tin và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;"

3. Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 2 như sau:

"đ) Người có bằng đại học tốt nghiệp loại khá trở lên các ngành đào tạo chính quy về: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý Hệ thống thông tin; Kỹ thuật mật mã; Toán tin; Kỹ thuật máy tính; Khoa học máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật viễn thông; Công nghệ điện tử - Viễn thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu;"

4. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 3 Điều 2 như sau:

"k) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được tuyển dụng hoặc tiếp nhận làm giáo viên Tiếng Anh, tin học trong các trường phổ thông công lập tại xã, phường, thị trấn khu vực III hoặc tại thôn, bản, tổ dân phố đặc biệt khó khăn của xã, phường, thị trấn khu vực I và khu vực II: Được hỗ trợ 150 triệu đồng đối với

giáo viên Tiếng Anh, 50 triệu đồng đối với giáo viên tin học; tại xã, phường, thị trấn khu vực II được hỗ trợ 120 triệu đồng đối với giáo viên Tiếng Anh, 40 triệu đồng đối với giáo viên tin học; tại xã, phường, thị trấn khu vực khu vực I (trừ thị trấn huyện lỵ) được hỗ trợ 100 triệu đồng đối với giáo viên Tiếng Anh.

Xác định xã, phường, thị trấn khu vực I, khu vực II, khu vực III theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

Xác định thôn, bản, tổ dân phố đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định nêu trên (nếu có);"

5. Bổ sung điểm l vào khoản 3 Điều 2 như sau:

"l) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này là nữ hoặc người dân tộc thiểu số thì được hỗ trợ thêm 20% mức hỗ trợ tương ứng theo điểm k khoản này (trường hợp vừa là nữ, vừa là người dân tộc thiểu số cũng chỉ được hỗ trợ thêm 20% mức hỗ trợ tương ứng theo điểm k khoản này."

6. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 2 như sau:

"4a. Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được tiếp nhận, tuyển dụng làm công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được hỗ trợ như sau:

a) Làm việc tại cơ quan cấp tỉnh: Trình độ thạc sỹ: 130 triệu đồng; trình độ đại học (tốt nghiệp loại giỏi: 120 triệu động; tốt nghiệp loại khá: 70 triệu đồng);

b) Làm việc tại cơ quan cấp huyện: Trình độ hạc sỹ: 150 triệu đồng; trình độ đại học (tốt nghiệp loại giỏi: 140 triệu động, tốt nghiệp loại khá: 90 triệu đồng)."

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 2 như sau:

"b) Thời gian công tác tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 08 năm. Riêng giáo viên Tiếng Anh trong các trường phổ thông công lập tại các xã, phường, thị trấn và bác sỹ về công tác tại cơ sở y tế tuyến xã công tác tối thiểu 05 năm;"

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"**Điều 4. Chính sách đãi ngộ đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và cơ sở cai nghiện ma túy**

1. Đối tượng được hưởng đãi ngộ

a) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế (bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, dược sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y học) có trình độ sau đại học làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tuyến tỉnh, tuyến huyện.

b) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp bác sỹ, có trình độ bác sỹ đa khoa trở lên công tác tại cơ sở cai nghiện ma túy, trạm y tế xã, phòng khám đa khoa khu vực hoặc tương đương;

2. Viên chức ngành y tế hưởng chính sách đãi ngộ hằng tháng phải có đủ các điều kiện sau:

a) Viên chức y tế khối điều trị tại các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện có bằng chuyên khoa các chuyên ngành điều trị phù hợp với vị trí việc làm, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh; Viên chức khối y tế dự phòng có bằng chuyên môn sau đại học phù hợp với vị trí việc làm, trực tiếp làm công tác y tế dự phòng tại các cơ sở y tế dự phòng cấp tỉnh, cấp huyện, Trung tâm giám định y khoa, Trung tâm pháp y, Trung tâm kiểm nghiệm, Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế;

Viên chức tại cơ sở cai nghiện ma túy, trạm y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực hoặc tương đương có bằng tốt nghiệp bác sỹ đa khoa trở lên.

b) Được cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả của năm trước liền kề xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

c) Được tập thể đơn vị bình xét, đề xuất.

3. Mức đãi ngộ hằng tháng theo trình độ và vị trí việc làm, cụ thể như sau:

a) Viên chức có trình độ tiến sỹ y khoa, bác sỹ chuyên khoa cấp II các chuyên ngành điều trị, bác sỹ nội trú; tiến sỹ, chuyên khoa cấp II các chuyên ngành: dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y học:

Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, tâm thần, truyền nhiễm, X quang, hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 1,2 x Mức lương cơ bản.

Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được: Số tiền đãi ngộ = 0,95 x Mức lương cơ bản.

Nhóm 3: Làm nhiệm vụ tại các cơ sở y tế dự phòng cấp tỉnh, cấp huyện, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Pháp y, Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế và các khoa, phòng điều trị về các bệnh khác (ngoài 02 nhóm trên) được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,8 x Mức lương cơ bản.

b) Viên chức có trình độ thạc sỹ y khoa, bác sỹ chuyên khoa cấp I các chuyên ngành điều trị, bác sỹ nội trú; thạc sỹ, chuyên khoa cấp I các chuyên ngành: dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y học:

Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại trạm y tế xã, phòng khám đa khoa khu vực hoặc tương đương, cơ sở cai nghiện ma túy, các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, tâm thần, truyền nhiễm, X quang, hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,8 x Mức lương cơ bản.

Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được hưởng đãi ngộ hằng tháng:

Số tiền đãi ngộ = 0,65 x Mức lương cơ bản.

Nhóm 3: Làm nhiệm vụ tại các cơ sở y tế dự phòng cấp tỉnh, cấp huyện, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Pháp y, Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế và các khoa, phòng điều trị về các bệnh khác (ngoài 02 nhóm trên) được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,4 x Mức lương cơ bản.

c) Viên chức có trình độ bác sỹ công tác tại cơ sở cai nghiện ma túy, trạm y tế xã, phòng khám đa khoa khu vực hoặc tương đương được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,4 x Mức lương cơ bản;

d) Mức lương cơ bản theo điểm a, điểm b, điểm c khoản này không thay đổi (kể cả khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21 tháng 5 năm 2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp) và được tính bằng công thức: 1,8 triệu đồng x (nhân) với hệ số lương của viên chức được hưởng chính sách đãi ngộ tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2024.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Chính sách đãi ngộ hằng tháng đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

1. Đối tượng và mức hỗ trợ đãi ngộ hàng tháng

a) Nhóm 1 gồm:

Công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan: Sở Thông tin và Truyền thông, Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố, Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Tỉnh ủy; viên chức giữ chức danh Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông; công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số trực tiếp quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên: Được hỗ trợ bằng 5,4 triệu đồng/người/tháng;

b) Nhóm 2 gồm:

Công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số trực tiếp quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin cấp độ 2 tại cơ quan, đơn vị; viên chức làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin và chuyển đổi số thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông: Được hỗ trợ bằng 3,6 triệu đồng/người/tháng;

c) Nhóm 3 gồm:

Công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số trực tiếp quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin cấp độ 1 hoặc công chức, viên chức kiêm nhiệm công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Được hỗ trợ bằng 0,9 triệu đồng/người/tháng;

d) Cấp độ hệ thống thông tin quy định tại các điểm a, b, c khoản này thực hiện theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Công chức, viên chức chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được hưởng đãi ngộ hằng tháng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Người có bằng đại học trở lên các ngành đào tạo về: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý Hệ thống thông tin; Kỹ thuật mật mã; Toán tin; Kỹ thuật máy tính; Khoa học máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật viễn thông; Công nghệ điện tử viễn thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Tin học; Tin học ứng dụng; Tin học quản lý; Tin học công nghiệp; Tin học trắc địa; Tin học thống kê; Tin học kinh tế; Toán - Tin ứng dụng; Thông tin học; Công nghệ thông tin - Tin học; Toán - Thống kê - Tin học; Hệ thống thông tin quản lý; Quản lý thông tin; Công nghệ phần mềm; Sư phạm Tin học;

b) Được phân công nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

c) Được cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả của năm trước liền kề xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên."

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

"b) Công chức, viên chức làm việc tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: 01 triệu đồng/người/tháng;

c) Công chức làm việc tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: 0,6 triệu đồng/người/tháng."

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh-;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVI;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND cấp huyện;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường